TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 208/2023/DS-PT
Ngày: 16-6-2023
V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và tranh chấp hợp đồng thi công.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Vân.

Các thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Bình;

Bà Võ Thị Hồng Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Nguyệt Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thị Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2023/TLPT-DS ngày 22-5-2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và "Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng công trình và đòi tiền lương".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2023/DS-ST ngày 18-4-2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 184/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần T; Địa chỉ: Số 14, L, Khu phố 2, phường 3, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Tô Hoàng L – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp của Công ty: Ông Trương Mạnh H, sinh năm 1987; nơi cư trú: 158/38/8, Ph, phường 9, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 27-5-2022); có mặt.

2. Bị đơn: Ông Hồ Quốc Th, sinh năm 1963; nơi cư trú: Số 541, Đ, khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. Người kháng cáo: Công ty cổ phần T và ông Hồ Quốc Th là nguyên đơn và bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của Công ty trình bày:

Ông Hồ Quốc Th có hợp tác với Công ty cổ phần T thông qua hợp đồng giao khoán thi công xây dựng. Trong quá trình thi công xây dựng thiếu vốn nên ông Th đề nghị Công ty hỗ trợ cho vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 09%/năm. Thời hạn vay 01 tháng, nợ đã quá hạn, Công ty nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Th vẫn không trả. Do đó, Công ty khởi kiện yêu cầu ông Th trả số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ 13-12- 2013 đến ngày khởi kiện 27-5-2022 là 151.052.055 đồng, tổng cộng là 351.053.055 đồng và tính lãi tiếp theo theo thỏa thuận hợp đồng cho đến khi giải quyết xong vụ kiện.

Đối với số tiền của hợp đồng vay theo thư nhắc nợ lần 02 do Giám đốc Trần Xuân Đ ký gửi cho ông Th có ghi số tiền còn nợ 163.687.500 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 10-11-2021 là 86.413.546 đồng. Sỡ dĩ có số tiền này là kế toán có tính trừ vào khối lượng hợp đồng thi công cho ông Th nhưng ông Th không đồng ý.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Th về việc đòi 02 tháng tiền lương xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự - Hội trường UBND xã Tân Bình 47.900.000 đồng. Do thời gian đã lâu từ năm 2011 nên việc tìm kiếm hồ sơ cũ gặp khó khăn, Công ty chưa tìm được dữ liệu liên quan đến 02 tháng tiền lương này nên ông Th có nghĩa vụ chứng minh.

Riêng đối với hợp đồng giao khoán thi công xây dựng số 02/HĐGK để xây dựng trạm bơm nước thô Cụm Công nghiệp Tân Hội tính đến thời điểm hiện tại giữa Công ty và đội thi công số 06 vẫn chưa được các bên thanh lý hợp đồng, giữa ông Th và Công ty chưa thống nhất trong việc ký hồ sơ quyết toán, ông Th không chịu ký hồ sơ quyết toán nên chưa có chưa có con số cụ thể. Do đó, số tiền ông Th yêu cầu 448.898.742 đồng là chưa hợp lý, ông Th có nghĩa chứng minh số tiền Công ty còn nợ.

Mặt khác, số tiền ông Th yêu cầu theo đơn phản tố có sai số, chênh lệch 100.000.000 đồng, số liệu chính xác phải là 348.988.742 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình làm việc, trao đổi văn bản qua lại giữa ông Th và Công ty cũng không thể hiện số tiền 448.988.742 đồng theo như đơn khởi kiện, cụ thể: Trong thư nhắc nợ lần 01 và 02 ông Th xác định tiền chưa thanh toán của hợp đồng thi công là 36.150.000 đồng và giá trị khối lượng phát sinh là 162.850.000 đồng, tổng cộng là 199.000.000 đồng, cộng thêm tiền lãi 214.920.000 đồng, yêu cầu Công ty thanh toán gốc và lãi là 413.920.000 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố đòi Công ty thanh toán số tiền gốc và lãi là 496.898.742 đồng công ty không đồng ý. Vì yêu cầu phản tố này đã hết thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng là 03 năm, ông Th không có quyền khởi kiện nên đề nghị áp dụng thời hiệu.

Tại phiên tòa ngày 30-12-2022 và 11-4-2023, đại diện theo ủy quyền của Công ty xác nhận đối với Hợp đồng thi công số 02 Công ty đã ứng cho ông Th 1.050.000.000 đồng. Theo quy định tại Điều 3 hợp đồng có quy định về phương thức thanh toán "khi hồ sơ quyết toán khối lượng của công trình được phê duyệt, căn cứ vào thanh lý hợp đồng giữa bên A với chủ đầu tư, bên A sẽ thanh toán phần còn lại cho bên B sau khi bên B cung cấp đầy đủ hóa đơn chứng từ cho bên A". Theo giá trị quyết toán hợp đồng giữa Công ty cổ phần T với Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp Tân Hội là 1.446.558.630 đồng, giá trị sau khi đã kiểm toán là 1.152.950.368 đồng. Đối chiếu theo thỏa thuận hợp đồng thì ông Th được hưởng 94% của số tiền sau khi đã kiểm toán (94% x 1.152.950.368 đồng) là 1.083.773.599 đồng, Công ty đồng ý thanh toán cho ông Th số tiền còn nợ lại sau khi khấu trừ số tiền đã tạm ứng.

Bị đơn ông Hồ Quốc Th trình bày: Ngày 14-6-2011, ông có hợp đồng lao động với Công ty cổ phần T thực hiện nhiệm vụ xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự - Hội trường UBND xã Tân Bình. Công trình bàn giao từ năm 2015, Công ty còn nợ ông 02 tháng tiền lương 2% trên giá trị công trình là 2.395.000.000 đồng x 2% là 47.900.000 đồng. Thời điểm được giao nhiệm vụ chỉ có Quyết định phân công do Công ty giữ, không có hợp đồng. Tuy nhiên, khi làm việc có nhật ký công trình, có hồ sơ quyết toán và ông có ký vào hồ sơ này do kế toán lưu giữ.

Ngoài ra, ngày 06-12-2012, ông có ký Hợp đồng giao khoán thi công xây dựng số 02/HĐGK để xây dựng trạm bơm nước thô Cụm Công nghiệp Tân Hội với Công ty cổ phần T, thời gian thực hiện 120 ngày, giá trị hợp đồng là 1.236.150.742 đồng. Để thực hiện hợp đồng này, ngày 13-12-2013 ông có ký Hợp đồng vay tiền số 16/HĐVV/2013 với Công ty vay số tiền 200.000.000 đồng với lãi suất và thời hạn trả theo hợp đồng.

Trong quá trình thi công có phát sinh chi phí vật liệu và chi phí nhân công, máy thi công là 190.567.193 đồng, phần ông được hưởng là 190.567.193 x 94%/1,1 là 162.848.000 đồng. Phần chi phí phát sinh này giữa ông và công ty không có phụ lục hợp đồng nhưng đã được Công ty ghi nhận thể hiện qua công văn số 85 ngày 07-12-2015 của Công ty cổ phần T gửi cho Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp Tân Hội kèm bảng tổng hợp kinh phí, bản hồ sơ trúng thầu và 01 bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng đề nghị thanh toán do ông Huỳnh Thanh S ký thể hiện số tiền 190.567.193 đồng.

Tổng giá trị công trình là 1.236.150.742 đồng + 162.848.000 đồng là 1.398.998.742 đồng, nhưng Công ty chỉ tạm ứng thanh toán cho ông 1.050.000.000 đồng, còn nợ lại 448.998.742 đồng chưa thanh toán. Tổng cộng Công ty còn nợ lại ông là 496.898.742 đồng.

Do đó, ông yêu cầu Công ty trả lại ông số tiền thi công xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự - Hội trường UBND xã Tân Bình và Trạm bơm nước thô Cụm Công nghiệp Tân Hội là 496.898.742 đồng ông mới đồng ý trả số tiền vay

theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên Tòa ngày 30-12-2022, ông Th xác định, năm 2015 Công ty đã trừ 02 tháng tiền lương xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự - Hội trường UBND xã Tân Bình cùng những chi phí khác là 50.000.000 đồng vào số tiền vay 200.000.000 đồng, còn nợ lại 150.000.000 đồng, ông xin rút lại yêu cầu khởi kiện đòi số tiền 47.900.000 đồng này, trừ vào số tiền khởi kiện, ông, yêu cầu trả số tiền của hợp đồng thi công còn nợ là 448.998.742 đồng.

Tại phiên tòa ngày 11-4-2023, ông Th xin rút yêu cầu Công ty trả số tiền chi phí vật liệu và chi phí nhân công, máy thi công phát sinh 162.848.000 đồng, ông chỉ yêu cầu Công ty trả số tiền còn nợ của hợp đồng chính số 02 là 286.150.742 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2023/DS-ST ngày 18-4-2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh, tuyên xử.

Căn cứ vào các Điều 244, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Các Điều 75, 76, 80, 81 của Luật xây dựng năm 2003; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần T.

Buộc ông Hồ Quốc Th có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần T số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng và 18.562.500 đồng tiền lãi. Tổng cộng nợ gốc và lãi buộc ông Th trả cho Công ty là 168.562.500 (*Một trăm sáu mười tám triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm)* đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần T về việc buộc ông Hồ Quốc Th trả số tiền 182.490.555 đồng (351.053.055 đồng - 168.562.500 đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đòi số tiền 47.900.000 đồng xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự - Hội trường UBND xã Tân Bình và số tiền 162.848.000 đồng tiền khối lượng chi phí phát sinh trong việc thực hiện Hợp đồng giao khoán thi công xây dựng số 02/HĐGK của ông Th đối với Công ty Công ty cổ phần T.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Hồ Quốc Th đối với Công ty cổ phần T.

Buộc Công ty cổ phần T có nghĩa vụ trả cho ông Hồ Quốc Th số tiền nợ gốc 186.150.742 đồng (một trăm tám mươi sáu triệu một trăm năm mươi nghìn bảy trăm bốn mươi hai đồng). Ghi nhận ông Th không yêu cầu tính lãi suất.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Hồ Quốc Th về việc buộc Công ty cổ phần T trả số tiền 100.000.000 đồng (286.150.742 đồng - 186.150.742 đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 04-5-2023, ông Th có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm,

ông chỉ còn nợ công ty số tiền 286.150.742 đồng; phần phát sinh 162.848.000 đồng yêu cầu tính lãi số tiền công ty nợ ông 9%/ năm.

Ngày 09-5-2023, Công ty cổ phần T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của công ty. Bác yêu cầu phản tố của ông Th.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Công ty trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông Th trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không đồng ý yêu cầu kháng cáo của công ty.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa và người tham gia tố tụng dân sự, thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dụng: Đề nghị Hội đồng xét xử, không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần T và ông Hồ Quốc Th. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2023/DS-ST ngày 18-4-2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 18-4-2023, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án, ngày 28-4-2023, nguyên đơn kháng cáo; ngày 04-5-2023, bị đơn kháng cáo. Kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần T (viết tắt là Công ty) thấy rằng: Ngày 13-12-2013, Công ty và ông Th có ký hợp đồng vay vốn số 16/HĐVV/2013 ngày 13-12-2013 số tiền 200.000.000 đồng (bút lục 204, 205).

[2.1] Công ty cho rằng ông Th còn nợ Công ty số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng. Ông Th thì cho rằng ông có vay của Công ty 200.000.000 đồng nhưng Công ty đã trừ ông 02 tháng tiền lương và chi phí khác số tiền 50.000.000 đồng còn nợ công ty số tiền gốc là 150.000.000 đồng. Lời khai của ông Th phù hợp với nội dung trong hai thư nhắc nợ ngày 28-12-2015 và 07-4-2016 gửi cho ông Th, thể hiện số tiền vay 200.000.000 đồng, Công ty đã trừ 02 tháng tiền lương ông Th cùng với chi phí khác 50.000.000 đồng, ông Th chỉ còn nợ 150.000.000 đồng nợ gốc và 13.687.500 đồng tiền lãi và phù hợp lời khai ông Nguyễn Ngọc Tước nguyên giám đốc cũ của Công ty và bà Trần Thị Thanh Thủy kế toán cũ của Công ty (bút lục: 140, 141, 193, 194).

[2.2] Mặt khác nội dung thư nhắc nợ lần 01 ngày 29-11-2021 và lần 02 ngày 08-12-2021 do ông Trần Xuân Đ ký gửi ông Th xác định số tiền của hợp

đồng vay còn lại 163.687.500 đồng trong đó nợ gốc là 150.000.000 đồng (bút lục: 152,154). Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty buộc ông Th trả cho Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng Tây Ninh số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi là 18.562.500 đồng là có căn cứ. Công ty kháng cáo yêu cầu ông Th trả 200.000.000 đồng tiền nợ gốc nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Quốc Th thấy rằng:

[3.1] Hợp đồng giao khoán thi công xây dựng số: 02/HĐGK ngày 06/12/2012, giữa Công ty cổ phần T với ông Hồ Quốc Th, giá trị hợp đồng là 1.236.150.742 đồng, ông Th đã thực hiện xong, công trình đã được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng từ năm 2015 (bút lục:143). Theo các thư phản hồi và đơn phản tố, quá trình hòa giải ông Th đều xác định, trong hợp đồng giao khoán thi công xây dựng số: 02/ HĐGK ngày 06/12/212, Công ty đã tạm ứng cho ông Th số tiền 1.050.000.000 đồng (bút lục 54, 86) nên cấp sơ thẩm buộc Công ty cổ phần T trả cho ông Th số tiền 1.236.150.742 đồng (giá trị hợp đồng) - 1.050.000.000 đồng (số tiền đã ứng) = 186.150.742 đồng là có căn cứ.

[3.2] Đối với kháng cáo yêu cầu tính lãi thì thấy rằng Hợp đồng giao khoán thi công xây dựng số: 02/HĐGK ngày 06/12/2012, giữa Công ty cổ phần T với ông Hồ Quốc Th, không có thỏa thuận tính lãi và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Th không yêu cầu tính lãi nên không có căn cứ chấp nhận tính lãi của số tiền 186.150.742 đồng của công ty chưa thanh toán cho ông Th.

Đối với số tiền 162.848.000 đồng (một trăm sáu mươi hai triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng) chi phí phát sinh, ông Th đã rút yêu cầu tại phiên tòa sơ thẩm nên cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu này của ông Th do đó cấp phúc thẩm không xem xét. Ông Th kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Th.

[4] Từ những nhận định trên, xét thấy không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của Công ty cổ phần T và không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Quốc Th. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2023/DS-ST ngày 18-4-2023, của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Công ty cổ phần T và ông Hồ Quốc Th kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm dân sự.

[6] Các Quyết định kháng của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 244, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Các Điều 75, 76, 80, 81 của Luật xây dựng năm 2003; khoản 1Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của Công ty cổ phần T.

2. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Hồ Quốc Th.

3. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2023/DS-ST ngày 18-4-2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần T về việc: " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Hồ Quốc Th".

Buộc ông Hồ Quốc Th có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần T số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng và 18.562.500 đồng tiền lãi. Tổng cộng nợ gốc và lãi buộc ông Th trả cho Công ty là 168.562.500 đồng (một trăm sáu mươi tám triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần T về việc buộc ông Hồ Quốc Th trả số tiền 182.490.555 đồng (351.053.055 đồng - 168.562.500 đồng).

5. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đòi số tiền 47.900.000 đồng xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự - Hội trường UBND xã Tân Bình và số tiền 162.848.000 đồng tiền khối lượng chi phí phát sinh trong việc thực hiện Hợp đồng giao khoán thi công xây dựng số 02/HĐGK của ông Th đối với Công ty Công ty cổ phần T.

6. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Hồ Quốc Th đối với Công ty cổ phần T về việc: " Tranh chấp hợp đồng thi công".

Buộc Công ty cổ phần T có nghĩa vụ trả cho ông Hồ Quốc Th số tiền nợ gốc 186.150.742 đồng (một trăm tám mươi sáu triệu một trăm năm mươi nghìn bảy trăm bốn mươi hai đồng). Ghi nhận ông Th không yêu cầu tính lãi suất.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Hồ Quốc Th về việc buộc Công ty cổ phần T trả số tiền 100.000.000 đồng (286.150.742 đồng - 186.150.742 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải thêm số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty cổ phần T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí phúc thẩm dân sự nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo Biên lai thu số 0002045 ngày 09-5-2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành

phố T, tỉnh Tây Ninh.

Ông Hồ Quốc Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí phúc thẩm dân sự nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo Biên lai thu số 0002018 ngày 04-5-2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

8. Các Quyết định kháng của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

9. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND TP. T;
- Chi cục THADS TP. T;
- Đương sự;
- Phòng HCTP-TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu: hồ sơ, lưu trữ, tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Phạm Thị Hồng Vân